Ký bởi: Ủy ban Nhân dân thành phố Trà Vinh
Email: ubndtptv@travinh.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Trà Vinh
Ngày ký: 04-12-2019 09:47:40 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 2955/UBND-KTTH V/v lấy ý kiến công nhận xã Long Đức đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2019	*TP Trà Vinh, ngày 02 tháng 12 năm 2019*

Kính gửi:
- Lãnh đạo các đơn vị: Ủy ban MTTQ VN, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân, Liên Đoàn lao động, Đoàn thành niên thành phố;
- Phòng Kinh tế thành phố;
- Phòng Văn hóa Thông tin và Thể thao thành phố;
- Giám đốc Trung tâm Văn hóa Thông tin và Thể thao thành phố;
- Chủ tịch UBND các phường.

Căn cứ Quyết định 2540/QĐ -TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020;

Xét báo cáo số 252/BC-VPĐP ngày 02/12/2019 của Văn phòng Điều phối nông thôn mới thành phố Trà Vinh về việc thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận xã Long Đức đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2019. Chủ tịch UBND thành phố có ý kiến như sau:

1. Đề nghị lãnh đạo các đơn vị: Ủy ban MTTQ VN, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân, Liên Đoàn lao động, Đoàn Thanh niên thành phố, Chủ tịch UBND các phường cho ý kiến bằng văn bản về mức độ đạt các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao của xã Long Đức năm 2019 *(đính kèm báo cáo)*.

2. Giao Phòng Văn hóa Thông tin và Thể thao thành phố đăng tải Báo cáo thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận xã Long Đức đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2019 trên Cổng thông tin điện tử thành phố để lấy ý kiến của các tổ chức, cá nhân và Nhân dân trên địa bàn thành phố.

3. Giao Giám đốc Trung tâm Văn hóa Thông tin và Thể thao thành phố bố trí thời lượng phát thông báo ít nhất 03 lần (dự kiến từ ngày 02/12/2019 đến ngày 06/12/2019) về việc xã Long Đức, thành phố Trà Vinh đủ điều kiện đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; công nhận thành phố Trà Vinh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới nâng cao năm 2019, nội dung thông báo cụ thể như sau:

"Sau gần 10 năm triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Đến nay xã Long Đức đủ điều kiện đề nghị tỉnh thẩm

định xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2019; thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới nâng cao năm 2019. UBND thành phố thông báo đến tất cả cán bộ và Nhân dân trên địa bàn thành phố đóng góp ý kiến về kết quả xây dựng nông thôn mới nâng cao của xã Long Đức, thành phố Trà Vinh".

4. Ý kiến đóng góp của các tổ chức, cá nhân và Nhân dân gửi về phòng Kinh tế thành phố (Văn phòng Điều phối Nông thôn mới thành phố) **trước ngày 10/12/2019 ,** địa chỉ số 09 Lê Thánh Tôn, Phường 2, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Email: pkttptv@gmail.com.

5. Giao Phòng Kinh tế thành phố tham mưu UBND thành phố tổng hợp ý kiến của các cơ quan, tổ chức và Nhân dân trên địa bàn thành phố tham gia vào kết quả thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận xã Long Đức đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2019; tham mưu thực hiện các quy trình và hoàn thiện hồ sơ đề nghị tỉnh công nhận. Thời gian hoàn thành **trước ngày 12/12/2019.**

Chủ tịch UBND thành phố đề nghị Lãnh đạo các đơn vị có liên quan, Chủ tịch UBND các phường thực hiện tốt nội dung Công văn này./.

Nơi nhận :
- TT. Thành ủy (b/c);
- CT, các PCT UBND TP (b/c);
- Như kính gửi;
- PKT TP (tổng hợp);
- Lưu : VT

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Tăng Thị Đẹp

UBND THÀNH PHỐ TRÀ VINH
VĂN PHÒNG ĐIỀU PHỐI CT NÔNG THÔN MỚI

Số: 252 /BC-VPĐP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Trà Vinh, ngày 02 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO
Về việc thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao cho xã Long Đức năm 2019

Căn cứ Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định, điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020; Quyết định số 69/QĐ-BNN-VPĐP ngày 09/01/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020;

Căn cứ Kế hoạch số 16-KH/TU ngày 04/04/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016 – 2020;

Căn cứ Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 25/05/2017 của UBND tỉnh về việc thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016 – 2020; Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 14/ 8/2018 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc Ban hành bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2018 – 2020;

Căn cứ Kế hoạch số 01-KH/BCĐ ngày 09/10/2017 của Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia và phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa về thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Trà Vinh giai đoạn 2016 – 2020",

Trên cơ sở đề nghị của UBND xã Long Đức tại Tờ trình số 97/TTr-UBND ngày 12/11/2019 của Ủy ban nhân dân xã Long Đức về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã Long Đức đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao năm 2019;

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn xã của Đoàn Thẩm tra thành phố (*Theo quyết định 4026/QĐ-UBND ngày 25/11/2019 của Chủ tịch UBND thành phố)*. Văn phòng Điều phối nông thôn mới thành phố báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới nâng cao của xã Long Đức năm 2019, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM TRA

Thời gian thẩm tra 02 ngày (ngày 27, 28 tháng 11 năm 2019)

1. Về hồ sơ:

Gồm các văn bản sau:

1/ Tờ trình số 97/TTr-UBND ngày 12/11/2019 của Ủy ban nhân dân xã Long Đức về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã Long Đức đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao năm 2019 (bản chính, theo Mẫu)

2/ Báo cáo kết quả xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã (bản chính, kèm theo biểu chi tiết kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới);

3/ Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội của xã và nhân dân trong xã về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới của xã (bản chính, theo Mẫu);

4/ Biên bản cuộc họp (gồm các thành viên Ban Chỉ đạo xã, Ban Quản lý xã, các Ban Phát triển thôn) đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính, theo Mẫu);

5/ Báo cáo tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã (bản chính);

6/ Hình ảnh minh họa về kết quả xây dựng nông thôn mới của xã.

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới

Tổng số tiêu chí của xã tổ chức tự đánh giá đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao theo quy định là 20/20 tiêu chí, đạt 100%, cụ thể:

2.1. Tiêu chí số 1 về Quy hoạch

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Chỉ tiêu 1.1. Có lưu trữ đầy đủ hồ sơ quy hoạch chung xây dựng xã Nông thôn mới được phê duyệt theo quy định; Công khai niêm yết quy hoạch được phê duyệt (kể cả khi điều chỉnh quy hoạch) và hoàn thành cắm mốc quy hoạch (có biên bản).

- Chỉ tiêu 1.2. Quản lý và tổ chức triển khai thực hiện theo quy hoạch được phê duyệt *(thường xuyên cập nhật, rà soát, bổ sung, điều chỉnh quy hoạch phù hợp với tình hình thực tế của địa phương)*.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Chỉ tiêu 1.1. Xã có lưu trữ đầy đủ hồ sơ quy hoạch chung xây dựng xã nông thôn mới được phê duyệt theo quy định; Công khai niêm yết quy hoạch được phê duyệt (kể cả khi điều chỉnh quy hoạch) và hoàn thành cắm mốc quy hoạch (có đầy đủ biên bản, hồ sơ chứng minh).

- Chỉ tiêu 1.2. Phối hợp Phòng Quản lý đô thị, Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Trà Vinh thực hiện điều chỉnh quy hoạch. Đến nay đã được UBND thành phố phê duyệt và tổ chức công bố quy hoạch đúng theo quy định.

c) Đánh giá: Đạt tiêu chí về Quy hoạch.

2.2. Tiêu chí số 2 về Giao thông

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Chỉ tiêu 2.1. Tỷ lệ đường liên xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm và đạt cấp kỹ thuật từ cấp B ($B_{mặt} \geq 3,5$ m, $B_{nền} \geq 5$ m) trở lên. (Chỉ tiêu 100%).

- Chỉ tiêu 2.2. Tỷ lệ đường liên ấp được cứng hóa đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm và đạt cấp kỹ thuật từ cấp C ($B_{mặt} \geq 3$m, $B_{nền} \geq 4$m) trở lên. (Chỉ tiêu $\geq$ 70%).

- Chỉ tiêu 2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa và đạt cấp kỹ thuật từ cấp D ($B_{mặt} \geq 1,5$m, $B_{nền} \geq 2$m) trở lên. (chỉ tiêu 100% sạch và không lầy lội, trong đó có 70% cứng hóa).

- Chỉ tiêu 2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng theo quy hoạch được cứng hóa đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm và đạt cấp kỹ thuật từ cấp C ($B_{mặt} \geq 3$m, $B_{nền} \geq 4$m) trở lên. (Chỉ tiêu $\geq$ 70%).

- Chỉ tiêu 2.5. Tỷ lệ đường liên xã, liên ấp có hệ thống đèn chiếu sáng (Chỉ tiêu $\geq$ 50%).

- Chỉ tiêu 2.6. Thực hiện duy tu bảo dưỡng các công trình giao thông đảm bảo không bị hư hỏng gây mất an toàn giao thông.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Chỉ tiêu 2.1. Đường liên xã, từ trung tâm xã đến thành phố gồm 5 tuyến (đường 30/4, đường, đường Vũ Đình Liệu, Bùi Hữu Nghĩa, Trương Văn Kỉnh, Võ Văn Kiệt), chiều dài 35km, đến nay đã thực hiện nhựa hóa 35km/35km, đạt tỷ lệ 100% và đạt tiêu chuẩn cấp kỹ thuật của Bộ giao thông vận tải.

- Chỉ tiêu 2.2 Đường liên ấp, trục ấp thực hiện cứng hóa 28,85 km , tăng 14,12 km so với trước khi lập đề án. Đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.

- Chỉ tiêu 2.3.Tuyến đường ngõ xóm được cứng hóa 43,15/55 km, tuyến đường đạt tỷ lệ 78,45% (+ 0,5 km). Còn 11,85/55 km đường ngõ xóm chưa được cứng hóa nhưng người dân đã rải piston hoặc bơm cát nên đảm bảo không lầy lội vào mùa mưa.

- Chỉ tiêu 2.4. Đường trục chính nội đồng tổng chiều dài 48 km, thực hiện kiên cố hóa được 43,57 km (+ 4,57 km) xe cơ giới đi lại được (đạt tỷ lệ 90,77%), còn lại 4,43 km mùa mưa còn đi lại khó khăn.

- Chỉ tiêu 2.5. Trên địa bàn xã có 34/35 km đường liên xã và liên ấp có hệ thống đèn chiếu sáng chiếm tỷ lệ 53,2 % gồm các tuyến đường 30/4, Trần Thành Đại, Nguyễn Tấn Liêng, Vũ Đình Liệu, Trương Văn Kỉnh, Trần Văn Ẩn, Võ Văn Kiệt, Phạm Ngũ Lão, Bùi Hữu Nghĩa.

- Chỉ tiêu 2.6. Phối hợp thường xuyên thực hiện duy tu bảo dưỡng các công trình giao thông đảm bảo không bị hư hỏng gây mất an toàn giao thông như: dậm vá đường Bùi Hữu Nghĩa ấp Rạch Bèo, Long Đại; đường Trương Văn Kỉnh ấp Kinh Lớn, Phú Hòa, Hòa Hữu, đường 30/4 với chiều dài 12 km.

c) Đánh giá: Đạt tiêu chí về Giao thông.

2.3. Tiêu chí số 3 về Thủy lợi

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Chỉ tiêu 3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động.

- Chỉ tiêu 3.2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Chỉ tiêu 3.1. Toàn xã có 23 tuyến kênh với chiều dài 41,2 km. Trong đó, kênh cấp II: tổng chiều dài 25,3km; Kênh cấp III: tổng chiều dài 15,9km. Có 66 cống bọng, 30km đê bao, 23 mặt đập đảm bảo ngăn triều cường và xâm nhập mặn. Đến nay, cơ bản hệ thống thủy lợi đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất nông nghiệp và tưới tiêu có 100% diện tích đất đất nông nghiệp được tưới, tiêu chủ động, chủ động ứng phó triều cường dâng cao, xâm nhập mặn, hệ thống thủy lợi nội đồng được duy tu, sửa chữa, nạo vét hàng năm.

- Chỉ tiêu 3.2.

+ Có thành lập Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn xã đúng theo Nghị định 66/2014/NĐ-CP, có phan công trách nhiệm cụ thể cho thành viên Ban Chỉ huy, 100% cán bộ xã trực tiếp tham gia công tác phòng, chống thiên tại được tỉnh hỗ trợ tập huấn để nâng cao năng lực, trình độ; Thành lập đội xung kích phòng, chống thiên tai.

+ Có xây dựng Kế hoạch, phương án ứng phó thiên tai và được cấp có thẩm quyền ban hành Quyết định phê duyệt.

+ Quy hoạch chung về xây dựng nông thôn mới của xã được thực hiện lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào các quy hoạch sử dụng đất, phát triển dân sinh - kinh tế - xã hội - môi trường; phát triển các khu dân mới và chỉnh trang khu dân cư hiện có, đảm bảo phù hợp với quy hoạch phòng, chống lũ, triều cường, thích ứng với biến đổi khí hậu; toàn xã có 10 cụm loa không dây đảm bảo thu nhận, truyền tải và cung cấp thông tin dự báo, cảnh báo và ứng phó với thiên tai đảm bảo 100% người dân được tiếp nhận một cách kịp thời và đầy đủ.

2.4. Tiêu chí số 4 về Điện

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Chỉ tiêu 4.1: Hệ thống điện đạt chuẩn.

- Chỉ tiêu 4.2: Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn đạt $\geq$ 99% trở lên.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Chỉ tiêu 4.1: Trên địa bàn xã có tổng chiều dài đường điện được kéo và cung cấp phục vụ là 102,184km trong đó: lưới trung thế 3 pha 38,18km; lưới trung thế 1 pha 16,11 km; lưới hạ thế 47,894 km; có trên 36 bình hạ thế, tổng dung lượng 3.707 KVA. Hệ thống điện trên địa bàn do Điện lực thành phố và điện nông thôn Châu Thành quản lý và vận hành lưới điện. Qua đánh giá của Điện lực thành phố, hệ thống điện trên địa bàn xã Long Đức đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện.

- Chỉ tiêu 4.2: Trên địa bàn xã có 4.679/4.682 hộ sử dụng điện chiếm tỷ lệ 99,94%. Trong đó, có 4.643/4.679 hộ sử dụng điện thường xuyên và an toàn chiếm 99,23%; Có 154 hộ sử dụng điện câu đuôi (trong đó có 118 hộ câu đuôi an toàn và 36 hộ câu đuôi không an toàn); 3 hộ chưa có điện.

c) Đánh giá: Đạt tiêu chí về Điện.

2.5. Tiêu chí số 5 về Trường học

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Có 70% trở lên trường học các cấp: Mầm non, mẫu giáo, tiểu học, THCS có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Xã có 7/7 trường học có cơ sở vật chất và trang thiết bị đạt chuẩn Quốc gia; Có 5/7 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 đạt 71,4% (Trường THCS Trần Phú, tiểu học Kim Đồng, Trần Văn Ẩn, Lê Anh Xuân, Trường MG Hoa Sen).

c) Đánh giá: Đạt tiêu chí về Trường học.

2.6. Tiêu chí số 6 về Cơ sở vật chất văn hóa

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Chỉ tiêu 6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã đảm bảo đạt theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Chỉ tiêu 6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí, thể thao cho trẻ em và người cao tuổi.

- Chỉ tiêu 6.3. Tỷ lệ ấp hoặc liên ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa; khu thể thao phục vụ cộng đồng đạt theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Chỉ tiêu 6.4. Nhà văn hóa xã, ấp được duy tu, bảo dưỡng thường xuyên và hoạt động có hiệu quả; có hàng rào (cây xanh hoặc hàng rào kiên cố; có trồng hoa, cây cảnh, sạch đẹp.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Chỉ tiêu 6.1. Xã có Nhà văn hóa quy mô 1.500m^2, hội trường có 300 chỗ ngồi, có lối vào cánh gà hai bên sân khấu, bàn, ghế, phông màn, cờ, tượng Bác Hồ, bụt nói chuyện; thiết bị âm thanh, ánh sáng đảm bảo tổ chức tốt hội nghị và biểu diễn chương trình nghệ thuật ở xã. Có sân vận động có quy mô 10.000m^2, nhà thi đấu thể thao quy mô 800m^2 với các môn thi đấu như: Cầu lông, kéo co, bóng chuyền….

- Chỉ tiêu 6.2. Xã có khu vui chơi, giải trí, thể thao trẻ em và người lớn tuổi tại nhà văn hóa xã. Đồng thời có bố trí các dụng cụ phục vụ cho việc vui chơi, giải trí, thể thao trẻ em và người lớn tuổi tại nhà văn hóa các ấp Rạch Bèo, Long Đại, Hòa Hữu, Vĩnh Hưng, Vĩnh Yên; Diện tích bình quân 200m^2/ khu vui chơi.

- Chỉ tiêu 6.3. Có 12/12 ấp có nhà văn hóa, quy mô bình quân 500m^2/ nhà văn hóa ấp, có 100-300 chỗ ngồi. Các ấp tận dụng diện tích nhà văn hóa để tổ chức thể thao, phục vụ cộng đồng nhân các dịp lễ, tết và được tổ chức thường xuyên.

- Chỉ tiêu 6.4. Các nhà văn hóa xã, ấp được duy tu, bảo dưỡng thường xuyên, năm 2019 sử dụng kết dư ngân sách xã đầu tư nâng cấp 10 nhà văn hóa ấp, kinh phí 600 triệu. Các nhà văn hóa hoạt động thường xuyên có hiệu quả; 13/13 nhà văn hóa xã, ấp có hàng rào kiên cố đồng thời có trồng thêm cây xanh, hoa kiểng tạo không gian, xanh- sạch - đẹp cho các nhà văn hóa; Đồng thời để tạo cảnh quan môi trường chỉ đạo các ban ngành, Ban nhân dân 12 ấp trồng Hoa và cây xanh các khu vui chơi và các trục chính giao thông kinh phí thực hiện 75 triệu đồng.

c) Đánh giá: Đạt tiêu chí về cơ sơ vật chất văn hóa.

2.7. Tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Chỉ tiêu 7.1. Xã có chợ nông thôn được xây dựng kiên cố và có đầy đủ các công trình phụ trợ; các khu vực kinh doanh được bố trí, sắp xếp bảo đảm các yêu cầu về trật tự, vệ sinh, văn minh.

- Chỉ tiêu 7.2. Trên địa bàn xã không có tụ điểm kinh doanh tự phát, chợ phải có bố trí khu vực riêng dành cho những người buôn bán nhỏ, hàng rong, quà vặt, người kinh doanh không thường xuyên tại chợ và phải chấp hành Nội quy chợ.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Chỉ tiêu 7.1. Xã có 3 điểm chợ Sóc Ruộng, Ba Trường, chợ Khu Công nghiệp, trong đó chợ Khu Công nghiệp được xây dựng hoàn thành và đưa vào hoạt động trong năm 2017, đạt chuẩn theo quy định. Tổng diện tích 5000m^2 và có các bộ phận phụ trợ như nhà vệ sinh, nơi đậu xe đảm bảo trật tự an toàn, sử dụng nước hợp vệ sinh, gom và xử lý rác thải, hệ thống thoát nước, thiết bị phòng cháy chữa cháy và có ban quản lý chợ, nội quy chợ được niêm yết công khai để điều hành hoạt động, xử lý vi phạm tại chợ.

- Chỉ tiêu 7.2. Xã không có tụ điểm kinh doanh tự phát. Các điểm chợ trên địa bàn xã có bố trí khu vực riêng dành cho những người buôn bán nhỏ, hàng rong, quà vặt, người kinh doanh không thường xuyên tại chợ.

c) Đánh giá: Đạt tiêu chí về hạ tầng thương mại nông thôn.

2.8. Tiêu chí số 8 về Thông tin và truyền thông

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Chỉ tiêu 8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính

- Chỉ tiêu 8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet.

- Chỉ tiêu 8.3. Có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các ấp; duy trì hoạt động thường xuyên.

- Chỉ tiêu 8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành, trong đó hệ số máy tính/số cán bộ công chức xã đạt tối thiểu 0,5 (50%).

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Chỉ tiêu 8.1 Xã có 01 điểm Bưu điện văn hóa xã tại ấp Vĩnh Yên đáp ứng 02 dịch vụ Bưu chính và viễn thông.

- Chỉ tiêu 8.2. Địa bàn xã có đường truyền internet đến 12/12 ấp, đáp ứng nhu cầu cập nhật thông tin liên lạc trong toàn xã.

- Chỉ tiêu 8.3. Xã Trạm truyền thanh xã với 24 đầu thu và 48 loa phóng thanh đến các ấp, đảm bảo hoạt động thường xuyên đúng theo quy định, kinh phí thực hiện 350 triệu đồng.

- Chỉ tiêu 8.4. Trong công tác quản lý và điều hành xã có ứng dụng công nghệ thông tin; Các bộ phận chuyên môn của xã đều có bố trí máy vi tính, thực hiện nhận và gửi văn bản điều hành qua mạng internet. Hiện xã có 33 máy vi tính/23 cán bộ, công chức, 11 người hoạt động không chuyên trách.

c) Đánh giá: Đạt tiêu chí về Thông tin và Truyền thông.

2.9. Tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Chỉ tiêu 9.1. Không còn nhà tạm, dột nát; không còn hộ không có đất ở phát sinh trước 03 năm trở lên so với năm đánh giá.

- Chỉ tiêu 9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt chuẩn Bộ Xây dựng (≥80%)

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Từ các nguồn vốn hỗ trợ của Trung ương, tỉnh, thành phố, vận động doanh nghiệp, vốn tự có của dân đã đầu tư cất mới và sửa chữa nhà tình nghĩa, nhà đại đoàn kết, kết quả đến nay:

- Chỉ tiêu 9.1. Địa bàn xã không còn nhà tạm bợ dột nát, hộ không có đất ở. Còn lại 101 căn xây bằng vật liệu gỗ, có kết cấu chịu lực tốt.

- Chỉ tiêu 9.2. Đến nay số hộ có nhà ở đạt chuẩn của Bộ xây dựng là 4.581/4.682 hộ đạt 97,8 %.

c) Đánh giá: Đạt tiêu chí về nhà ở dân cư.

2.10. Tiêu chí số 10 về Thu nhập

a) Yêu cầu của tiêu chí

Thu nhập bình quân đầu người/năm tối thiểu phải bằng 1,2 lần so với thu nhập bình quân đầu người/năm theo quy định hàng năm của xã đạt chuẩn nông thôn mới (≥ 54 triệu đồng/người/năm)

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Qua điều tra thu nhập của Chi cục Thống kê thành phố thực hiện năm 2019, kết quả thu nhập trên địa bàn xã đạt 54,6 triệu đồng/người/năm.

c) Đánh giá: Đạt tiêu chí về thu nhập.

2.11. Tiêu chí số 11 về Hộ nghèo

a) Yêu cầu của tiêu chí

Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020*(trừ các hộ nghèo thuộc đối tượng chính sách bảo trợ xã hội)*≤ 2%.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Qua rà soát cuối năm 2019 xã còn 37 hộ nghèo (trong đó hộ nghèo hưởng chính sách bảo trợ xã hội là 10 hộ), hộ nghèo theo tiêu chí nông thôn mới là 27 hộ, chiếm tỷ lệ 0,57%.

c) Đánh giá: Đạt tiêu chí về Hộ nghèo

2.12. Tiêu chí số 12 về Lao động có việc làm

a) Yêu cầu của tiêu chí

Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động ≥ 95%.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí: Xã phối hợp với Trung tâm giới thiệu việc làm mở nhiều phiên giao dịch giới thiệu việc làm, giải quyết cho 1.932 lao động (10 lao động đi nước ngoài). Qua cập nhật phần mềm đến cuối năm 2019 trên địa bàn xã có tổng số người trong độ tuổi lao động là 10.900 lao động. Tổng số người trong độ tuổi lao động có khả năng lao động là 9.076. Tổng số người trong độ tuổi lao động có khả năng lao động có việc làm là 9.051. Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động là: 9.051/9.076 người, chiếm tỷ lệ 99,72%.

c) Đánh giá: Đạt tiêu chí về Lao động có việc làm.

2.13. Tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Chỉ tiêu 13.1. Xã có ít nhất 01 hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012 và thật sự có hiệu quả.

- Chỉ tiêu 13.2. Xã có ít nhất 01 mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị hàng hóa đối với sản phẩm chủ lực của xã đảm bảo chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm gắn với định hướng phát triển dịch vụ du lịch tại địa phương.

- Chỉ tiêu 13.3. Thực hiện có hiệu quả quy hoạch, kế hoạch phát triển sản xuất hàng hóa chủ lực của xã gắn với cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Chỉ tiêu 13.4. Tỷ lệ cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp đạt từ 80% trở lên; có mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và chế biến sản phẩm an toàn, sạch hoặc mô hình sản xuất theo hướng hữu cơ.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Chỉ tiêu 13.1. xã có Hợp tác xã Nông nghiệp với 72 thành viên, vốn điều lệ hợp tác xã 2,503 tỷ đồng, hoạt động đúng theo Luật HTX năm 2012 và hoạt động có hiệu quả. HTX có xây dựng phương án sản xuất, tập trung một số hoạt động cụ thể như: Nuôi thủy sản, cung cấp cây giống nông nghiệp, nhận thi công các công trình xây dựng cơ bản, ... năm 2019 tổng thu nhập từ các hoạt động trên 2,319 tỷ đồng, lợi nhuận 335 triệu đồng.

- Chỉ tiêu 13.2. Từ nguồn vốn hỗ trợ các địa phương xây dựng chuỗi giá trị liên kết (300 triệu đồng), xã Long Đức chọn HTX Nông nghiệp Long Đức làm đơn vị để xây dựng chuỗi giá trị liên kết trên con gà thả vườn Long Đức, đã đăng ký

nhãn hiệu. Đồng thời, đối với sản phẩm chủ lực của xã (gà, dừa, hoa kiểng), có thực hiện ký kết hợp đồng bao tiêu đầu ra sản phẩm. Cụ thể:

+ Dừa: Ký hợp đồng cung cấp nguyên liệu đầu vào với doanh nghiệp tư nhân than gáo dừa Bảy Khuynh.

+ Hoa kiểng: Ký hợp đồng cung cấp hoa tươi cho các shop hoa tươi trên địa bàn thành phố Trà Vinh: Shop hoa Khanh Luyến, Thanh Bình... Dịp tết Nguyên đán hàng năm, hoa kiểng tại làng nghề ở ấp Vĩnh Yên cung cấp cho thị trường trong và ngoài tỉnh trên 350.000 chậu hoa, kiểng các loại và là điểm đến tham quan, chụp ảnh cho người dân mỗi khi tết đến.

+ Gà: Xã tiến hành thành lập 04 Tổ hợp tác chăn nuôi gà thả vườn trên địa bàn xã với 60 thành viên. Hợp tác xã Nông nghiệp làm đại diện trung gian đàm phán ký hợp đồng với các đối tác để tiêu thụ sản phẩm.

- Chỉ tiêu 13.3. Tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả các kế hoạch phát triển sản xuất hàng hóa chủ lực của xã gắn với tái cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp, gắn với xây dựng nông thôn mới, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng giảm dần diện tích đất trồng lúa kém hiệu quả, tăng diện tích trồng màu, hoa kiểng, cải tạo vườn tạp trồng những loại cây có giá trị kinh tế cao. Kết quả chuyển đổi 30,28 ha từ đất trồng lúa, đất trồng cây ăn trái kém hiệu quả chuyển sang trồng các loại cây: Bưởi, Dừa, Thanh long, rau màu,.... Áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, giá trị sản xuất trên cùng một đơn vị diện tích tăng lên (từ 116 triệu đồng/ha năm 2013 lên 140 triệu đồng/ha năm 2019).

- Chỉ tiêu 13.4. Tỷ lệ cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp xã đạt tỷ lệ 85% trở lên; xã có 01 công ty ứng dụng công nghệ sau thu hoạch trong sơ chế rau, củ quả (Công ty rau sạch Minh Nhí) và 01 công ty ứng dụng công nghệ trong sản xuất nông nghiệp (Công ty Mỹ Lan) và nhiều mô hình ứng dụng kho học công nghệ trong sản xuất như: mô hình sản xuất rau màu theo hướng hữu cơ, trồng thanh Long,... đang triển khai thực hiện mô hình trồng dừa hữu cơ diện tích 200 ha.

c) Đánh giá: Đạt tiêu chí về Tổ chức sản xuất.

2.14. Tiêu chí số 14 về Giáo dục và đào tạo

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Chỉ tiêu 14.1. Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2; đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở mức độ 3.

- Chỉ tiêu 14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học *(phổ thông, bổ túc, học nghề)*.(Chỉ tiêu ≥90%)

- Chỉ tiêu 14.3. Tỷ lệ học sinh bỏ học, học sinh vi phạm đạo đức hạnh kiểm kém, vi phạm pháp luật. (Chỉ tiêu ≤2%)

- Chỉ tiêu 14.4. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo (Chỉ tiêu ≥65%)

- Chỉ tiêu 14.5. Tỷ lệ lao động nông thôn trong độ tuổi lao động thường trú ở địa phương có khả năng tham gia lao động được tuyên truyền, phổ biến kiến thức khoa học, công nghệ, rủi ro thiên tai, cơ chế, chính sách của Nhà nước và được cung cấp thông tin để phát triển sản xuất, kinh doanh hoặc chuyển đổi cách thức làm ăn cho phù hợp (Chỉ tiêu 100%)

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Chỉ tiêu 14.1. Xã đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2, đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi theo quyết định số 3108/QĐ-UBND ngày 08/8/2017 của UBND thành phố Trà Vinh; Phổ cập giáo dục tiểu học theo quyết định số 4792/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 của UBND thành phố Trà Vinh. Xã đạt chuẩn trung học cơ sở mức độ 3 Theo quyết định số 4792/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 của UBND thành phố Trà Vinh.

- Chỉ tiêu 14.2. Kết quả cuối năm học 2018-2019, tỷ lệ học sinh lên lớp thẳng đạt 98%, tỷ lệ học sinh hoàn thành bậc tiểu học đạt 99,3%; tỷ lệ xét tốt nghiệp THCS đạt 97,7%, phổ cập THCS đạt 91,6%, tiếp tục học Trung học phổ thông và học nghề.

- Chỉ tiêu 14.3. Tổng số học sinh cấp I, II năm học 2018 – 2019 trên địa bàn xã Long Đức có 1.854 em, trong đó có 765/782 học sinh cấp II có hạnh kiệm khá trở lên đạt 97,83%. Trong năm có 6/1.854 em bỏ học giữa chừng chiếm 0,32 % Hội khuyến học xã phối hợp vận động 4/6 em học sinh bỏ học trở lại lớp, 02 em chuyển đến nơi khác sinh sống.

- Chỉ tiêu 14.4. Công tác đào tạo nghề cho lao động luôn được xã quan tâm thực hiện, mở các lớp dạy nghề, truyền nghề đến nay toàn xã có 7.329/9.076 lao động qua đào tạo nghề chiếm 80,75%, so với tổng số lao động có việc làm.

- Chỉ tiêu 14.5. Xã có 1.632 lao động nông thôn trong độ tuổi lao động thường trú ở địa phương có khả năng tham gia lao động được tuyên truyền, phổ biến kiến thức khoa học, công nghệ, rủi ro thiên tai, cơ chế, chính sách của Nhà nước và được cung cấp thông tin để phát triển sản xuất, kinh doanh hoặc chuyển đổi cách thức làm ăn cho phù hợp, đạt tỷ lệ 100%.

c) Đánh giá: Đạt tiêu chí về Giáo dục và Đào tạo.

2.15. Tiêu chí số 15 về Y tế

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Chỉ tiêu 15.1. Tỷ lệ người dân tham gia BHYT trên dân số theo niên giám thống kê. (Chỉ tiêu ≥90%)

- Chỉ tiêu 15.2. Y tế xã đạt chuẩn quốc gia.

- Chỉ tiêu 15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) (Chỉ tiêu ≤15%)

- Chỉ tiêu 15.4. Chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu và mức hưởng thụ các dịch vụ y tế ban đầu cho người dân được bảo đảm; công tác kiểm soát các bệnh truyền nhiễm và bệnh gây dịch được thực hiện có hiệu quả; không có tình trạng ngộ độc thực phẩm đông người.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Chỉ tiêu 15.1. Xã có 17.355/18.363 người dân tham gia bảo hiểm y tế, đạt 94,5%, được Bảo hiểm xã hội thành phố xác nhận tại Công văn số 35/CV-BHXH ngày 23/8/2019.

- Chỉ tiêu 15.2. Xã đạt chuẩn quốc gia về Y tế năm 2007 và được UBND tỉnh tái công nhận là xã đạt chuẩn quốc gia về y tế năm 2015 (tại Quyết định số 2143/QĐ-UBND ngày 11/10/2016) và được tiếp tục duy trì nâng chất lượng đến nay. Được Sở Y tế phúc tra đánh giá theo Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã, kết quả Trạm y tế xã đạt 91,5/100 điểm đạt chuẩn quốc gia theo quy định.

- Chỉ tiêu 15.3. Tỉ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng, thể thấp còi là 55/1.245 trẻ chiếm tỷ lệ 4,4% .

- Chỉ tiêu 15.4. Chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu và mức hưởng thụ các dịch vụ y tế ban đầu cho người dân luôn được được bảo đảm; Công tác kiểm soát các bệnh truyền nhiễm và bệnh gây dịch được thực hiện có hiệu quả; Xã không có tình trạng ngộ độc thực phẩm đông người. Tổ chức công tác truyền thông giáo dục sức khỏe trong cộng đồng được 221 cuộc, có 3.913 lượt người dự và cấp trên 2.000 tờ rơi các loại; Khám chăm sóc sức khỏe ban đầu cho 3.843 lượt người.

c) Đánh giá: Đạt tiêu chí về Y tế.

16. Tiêu chí số 16 về Văn hóa

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Chỉ tiêu 16.1. Tỷ lệ ấp đạt tiêu chuẩn ấp Văn hóa và ấp Nông thôn mới (Chỉ tiêu ≥85%)

- Chỉ tiêu 16.2. Chất lượng các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được đảm bảo và thu hút nhiều người dân tham gia; bảo tồn và phát huy những giá trị tốt đẹp văn hóa truyền thống địa phương; xây dựng cộng đồng dân cư văn minh, dân chủ, đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ nhau, thực hiện tốt các hoạt động nhân đạo, từ thiện.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Chỉ tiêu 16.1. Xã có 12/12 ấp đạt chuẩn ấp văn hóa, ấp Nông thôn mới, được UBND thành phố ra Quyết định công nhận và đến nay tiếp tục được duy trì nâng chất lượng ấp văn hóa, nông thôn mới.

- Chỉ tiêu 16.2. Quan tâm chỉ đạo nâng cao chất lượng phong trào *"Toàn dân đoàn kết xây dựng Nông thôn mới, đô thị văn minh"*. Hàng năm phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao được quan tâm chỉ đạo như: tổ chức Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân, có 289 người tham gia, thường xuyên tổ chức giao lưu bóng đá, bóng chuyền, sinh hoạt đờn ca tài tử thu hút trên 1.377 lượt người tham gia. Tổ chức họp mặt kỷ niệm 72 năm ngày Thương binh liệt sĩ (27/7/1947 -27/7/2019), thăm tặng quà cho 22 gia đình chính sách; cấp phát tiền cho 750 đối tượng chính sách với số tiền 417 triệu đồng. Phối hợp với các nhà hảo tâm tặng 30 xe đạp cho các em học sinh và 453 phần quà cho hộ nghèo, cận nghèo, quy thành tiền 137.750.000 đồng, đưa 135 người tham gia hiến máu nhân đạo.

c) Đánh giá: Đạt tiêu chí về Văn hóa.

2.17. Tiêu chí số 17 về Môi trường và an toàn thực phẩm

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Chỉ tiêu 17.1. Có hệ thống cung cấp nước sinh hoạt tập trung đảm bảo cung cấp nước sạch cho 100% hộ dân trên địa bàn toàn xã

- Chỉ tiêu 17.2. Tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch:

+ Nước hợp vệ sinh: ≥99%.

+ Nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung: ≥75%.

- Chỉ tiêu 17.3. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường. 100%

- Chỉ tiêu 17.4. Xây dựng cảnh quan, môi trường sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn.

- Chỉ tiêu 17.5. Xã có quy hoạch nghĩa trang hoặc xây dựng nghĩa trang liên xã *(đối với xã có đông đồng bào dân tộc Khmer có nhà hỏa táng);*Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch.

- Chỉ tiêu 17.6. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, chợ, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định; (trong đó: tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý theo quy định là ≥70%; có mô hình, tổ chức phân loại và thu gom rác).

- Chỉ tiêu 17.7. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh đảm bảo 3 sạch: ≥80%.

- Chỉ tiêu 17.8. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường: ≥80%.

- Chỉ tiêu 17.9. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm: 100%

- Chỉ tiêu 17.10. Các cơ quan, tổ chức đóng trên địa bàn xã phải đạt chuẩn văn hóa.

- Chỉ tiêu 17.11. Khu xử lý rác thải tập trung của xã (nếu có), phải đảm bảo xa khu dân cư và được trồng nhiều lớp hàng rào cây xanh bao bọc xung quanh.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Chỉ tiêu 17.1. Hệ thống cung cấp nước sinh hoạt trên địa bàn xã do Trạm Cấp nước Long Trị và Công ty cấp thoát nước Trà Vinh đảm bảo cung cấp nước sạch cho 100 % hộ dân trên địa bàn xã.

- Chỉ tiêu 17.2. Đến nay tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch đạt 98,06%.

+ Số hộ sử dụng nước hợp vệ sinh: 4.682/4.682 hộ, chiếm tỷ lệ 100%

+ Số hộ sử dụng nước sạch: 4.639/4.682 hộ chiếm tỷ lệ 99%.

- Chỉ tiêu 17.3. Toàn xã có 1.246 doanh nghiệp, hộ, cơ sở sản xuất - kinh doanh, trong đó: có 1.246/1.246 doanh nghiệp, hộ, cơ sở đã được phê duyệt đề án và kế hoạch bảo vệ môi trường, đạt 100%. Có 01 công ty nuôi cá da trơn ở ấp Long Trị; 01 Hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp; 01 làng nghề hoa kiểng hoạt động đúng quy định về bảo vệ môi trường.

- Chỉ tiêu 17.4. Các tuyến đường chính trên địa bàn xã có chiều dài 35 km được tập thể cán bộ, công chức của xã phối hợp với BND 12 ấp tổ chức phát hoang, trồng mới 3000 cây mai hoàng yến; Chọn tuyến đường đanl ấp Công Thiện Hùng, làm thí điểm trồng hoa dọc tuyến đường với chiều dài 500m và nhân rộng các ấp

trên địa bàn xã. Trồng mới từ 4.000 cây phân tán để hạn chế ô nhiễm môi trường. Phát hành 4.500 thư ngỏ tuyên truyền hộ gia đình, các Công ty, Doanh nghiệp trên địa bàn thực hiện Chỉ thị 15-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Trà Vinh và giữ vững, nâng cao chất lượng các tiêu chí xã Nông thôn mới.

- Chỉ tiêu 17.5. Nghĩa trang nhân dân: Trên địa bàn xã không có quy hoạch nghĩa trang nhân dân, nhưng có nghĩa trang liệt sĩ tỉnh được di dời về địa bàn xã Long Đức trong năm 2015.

- Chỉ tiêu 17.6. Chất thải rắn: Xã không có quy hoạch bãi rác, sử dụng chung với bãi rác của thành phố, cụ thể:

+ Đối với rác thải sinh hoạt ở các tuyến đường chính như đường 30/4, Trần Văn Ẩn, Vũ Đình Liệu, Nguyễn Tấn Liềng, Trần Thành Đại.... và các điểm chợ trên địa bàn được lắp đặt thùng rác và hợp đồng với công ty thu gom trên 75% rác thải sinh hoạt trên địa bàn xã. Đối với hộ dân vùng sâu được hướng dẫn xử lý rác tại gia đình bằng hình thức thu gom đốt hoặc chôn.

+ Đối với chất thải nông nghiệp: vận động nông dân sau khi pha chế, phun, rải phân, thuốc bảo vệ thực vật phải thu gom bao, gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng vào bể chứa đúng theo quy định, hiện xã đang hỗ trợ lắp các bể chứa rác thải trong nông nghiệp. Không vứt các bao gói thuốc bảo vệ thực vật đã qua sử dụng bừa bãi ra môi trường, đặt biệt là ao, hồ, kênh, rạch....

+ Đối với chất thải tại các khu công nghiệp, Trạm y tế được phân loại và tổ chức thu gom riêng đúng theo quy định.

- Nước thải: Khu dân cư tập trung của xã có hệ thống thoát nước đảm bảo nhu cầu tiêu, thoát nước của khu vực; không có hiện tượng tắt nghẽn, tù động, ngập úng nước thải.

- Chỉ tiêu 17.7. Ban chỉ đạo đã tập trung chỉ đạo tuyên truyền vận động nhân dân xóa cầu tiêu trên ao hồ, sông rạch xây dựng hố xí hợp vệ sinh, đến nay qua thống kê có 4.639/4.682 hộ, chiếm 99,08%; có 4.682/4.682 hộ có nhà tắm đạt 100%; 4.836 bể chứa nước đảm bảo 3 sạch.

- Chỉ tiêu 17.8. Toàn xã có 1.400 hộ chăn nuôi trong đó có 1.128/1.400 chăn nuôi có chuồng trại đảm bảo vệ sinh môi trường chiếm 80,05%.

+ Để nâng cao tiêu chí này, từ các nguồn kinh phí được Trung ương, tỉnh hỗ trợ xây dựng các công trình xử lý chất thải trong chăn nuôi như: xây dựng 268 hầm biogas/286 hộ chăn nuôi gia súc có qui mô lớn đạt tỷ lệ 93%; 111 hộ chăn nuôi gia cầm qui mô từ 1000 con trở lên đều có sử dụng đệm lót sinh học.

- Chỉ tiêu 17.9. Trên địa bàn xã có 1.296 hộ, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm (bao gồm 158 hộ, cơ sở lĩnh vực y tế; 124 hộ, cơ sở lĩnh vực công thương; 1.014 hộ, cơ sở, doanh nghiệp lĩnh vực nông nghiệp). Trong đó có 1.284 đã thực hiện ký cam kết đảm bảo ATTP và ký cam kết sản xuất thực phẩm an toàn; 22 cơ sở, doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP.

- Chỉ tiêu 17.10. Có 18/18 cơ quan, tổ chức, trường học, cơ sở tín ngưỡng đóng trên địa bàn xã đạt chuẩn văn hóa, thường xuyên ra quân dọn, dẹp vệ sinh cơ quan, trồng cây xanh đảm bảo xanh – sạch - đẹp.

- Chỉ tiêu 17.11. Xã không có quy hoạch khu xử lý rác thải tập trung của xã.

c) Đánh giá: Đạt tiêu chí về Môi trường và an toàn thực phẩm.

2.18. Tiêu chí số 18 về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Chỉ tiêu 18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn.
- Chỉ tiêu 18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định.
- Chỉ tiêu 18.3. Đảng bộ xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh".
- Chỉ tiêu 18.4. Các tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt từ loại khá trở lên.
- Chỉ tiêu 18.5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.
- Chỉ tiêu 18.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Chỉ tiêu 18.1. Xã có 41/41 cán bộ, công chức đáp ứng tiêu chuẩn chung và tiêu chuẩn cụ thể quy định tại Nghị định số 114/2003/NĐ – CP ngày 10/10/2003 của Chính phủ về cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn; Quyết định số 04/2004/QĐ – BNV ngày 16/01/2004 của Bộ trưởng Bộ nội vụ về việc ban hành quy định tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn; Nghị định số 112/2011/NĐ – CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn đạt chuẩn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị địa phương, không có trường hợp bị xử lý kỷ luật.

- Chỉ tiêu 18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định bao gồm: Tổ chức Đảng; Chính quyền; Tổ chức chính trị xã hội: Mặt trận tổ quốc, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh được thành lập theo quy định.

- Chỉ tiêu 18.3. Năm 2018, Đảng bộ xã được công nhận "*hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ*" tại Quyết định số 2172-QĐ/TU ngày 18 tháng 01 năm 2019 của Thành ủy Trà Vinh;

- Chỉ tiêu 18.4. Các tổ chức chính trị - xã hội của xã năm 2018, 2019 đều đạt mức cao nhất. Chính quyền xã 3 năm liền đều đạt tiêu chuẩn *"trong sạch, vững mạnh"*.

- Chỉ tiêu 18.5. Xã được Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2018 theo Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 08 tháng 1 năm 2019 của UBND thành phố Trà Vinh. 12/12 ấp đều được bố trí tủ sách pháp luật.

- Chỉ tiêu 18.6. Có 100% phụ nữ nghèo, phụ nữ khuyết tật có nhu cầu, đều được vay vốn từ các chương trình của NHCSXH; trên địa bàn xã không có trường hợp tảo hôn, cưỡng ép kết hôn. Không có trường hợp bạo lực gia đình, không có tư tưởng trọng nam khinh nữ; Thành lập Ban quản lý "mô hình địa chỉ tinh cậy – nhà tạm lánh tại cộng đồng" theo Quyết định số 520/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND xã Long Đức Trà Vinh, lấy địa điểm tại Ủy ban nhân dân xã Long Đức.

Trạm truyền thanh xã hàng tháng có dành thời lượng từ 1-2 giờ để phát thanh chuyên mục về bình đẳng giới như: Bình đẳng giới trong tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe; phòng chống bạo lực và xâm hại đối với phụ nữ và trẻ em....

c) Đánh giá: Đạt so tiêu chí về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật.

2.19. Tiêu chí số 19 về Quốc phòng và an ninh

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Chỉ tiêu 19.1. Xây dựng lực lượng dân quân "vững mạnh, rộng khắp" và hoàn thành các chỉ tiêu nhiệm vụ quốc phòng quân sự địa phương.

- Chỉ tiêu 19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: trên địa bàn xã không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiềm chế, giảm liên tục so với các năm trước.

- Chỉ tiêu 19.3. Tỷ lệ ấp được công nhận đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự. (≥90%).

- Chỉ tiêu 19.4. Xã có mô hình tự quản, liên kết bảo vệ an ninh trật tự hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Chỉ tiêu 19.1. Xây dựng lực lượng dân quân "vững mạnh, rộng khắp" Phát triển mới 37 đồng chí dân quân, đến nay trên địa bàn xã có 232 đồng chí. Hoàn thành các chỉ tiêu nhiệm vụ quốc phòng quân sự địa phương như: đưa 16/16 thanh niên thi hành NVQS đạt chỉ tiêu trên giao, đưa 171 đồng chí tham gia các khóa tập huấn, huấn luyện đạt 100%; Xã được trên công nhận đạt tiêu chuẩn vững mạnh về quốc phòng, an ninh năm 2018 theo Quyết định số 4591/QĐ –UBND ngày 29 tháng 11 năm 2018 của UBND thành thố Trà Vinh. Năm 2019 đã được trên thẩm định đạt tiêu chuẩn vững mạnh về quốc phòng, an ninh.

- Chỉ tiêu 19.2. Xã được UBND thành phố công nhận xã đạt tiêu chuẩn "An toàn về an ninh trật tự" theo Quyết định số 3865/QĐ–UBND ngày 06/11/2019. Hàng năm Đảng ủy xã có ban hành Nghị quyết, UBND có kế hoạch về công tác bảo đảm ANTT, có thực hiện tốt mô hình bảo vệ an ninh trật tự ở địa phương. Trên địa bàn xã không có xảy ra khiếu kiện đông người kéo dài, không có xảy ra trọng án trên địa bàn xã; Các loại tội phạm, tệ nạn xã hội được kiềm chế và kéo giảm hàng năm.

- Chỉ tiêu 19.3. Xã có 12/12 ấp được công nhận đạt tiêu chuẩn an toàn về ANTT đạt 100 %.

- Chỉ tiêu 19.4. Có mô hình "Phong trào toàn dân Bảo vệ an ninh tổ quốc"; Thành lập Câu Lạc bộ 4 không tại ấp Vĩnh Yên " Không ma túy, không mại dâm, không cờ bạc và không có đối tượng ẩn nấp" có 8 thành viên và Câu Lạc bộ "Gây quỹ giải quyết việc làm và đảm bảo an ninh trật tự" trên địa bàn xã có 23 thành viên tham gia duy trì hoạt động thường xuyên, hiệu quả. Công an thành phố tăng cường 10 đ/c là công an chính quy về hỗ trợ xã.

c) Đánh giá: Đạt so tiêu chí về Quốc phòng và an ninh.

20. Tiêu chí số 20 về Hành chính công:

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Chỉ tiêu 20.1. Xã có thực hiện cải cách, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, giải quyết thủ tục hành chính cho các tổ chức, công dân đảm bảo đúng quy định.

- Chỉ tiêu 20.2. Thực hiện tốt các quy định về dân chủ cơ sở; các ấp có xây dựng và thực hiện hiệu quả quy ước, hương ước cộng đồng.

- Chỉ tiêu 20.3. Cán bộ, công chức xã chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật và nâng cao đạo đức công vụ trong thực hiện nhiệm vụ.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Chỉ tiêu 20.1. Thực hiện tốt công tác cải cách hành chính, từng bước nâng cao tinh thần, thái độ làm việc của cán bộ công chức, hạn chế phiền hà trong Nhân dân. Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả đúng theo quy trình. Hiện xã tiếp tục rà soát, tiến hành xây dựng quy trình nội bộ, quy trình điện tử đối với các thủ tục hành chính cấp xã được Chủ tịch UBND tỉnh ban hành; Thực hiện tốt việc duy trì, áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015. Công tác gửi, nhận văn bản điện tử thực hiện qua hệ thống i-Office. Tham gia Hội thi Chung tay cải cách hành chính thành phố Trà Vinh lần thứ III năm 2019, kết quả đạt giải khuyến khích.

- Chỉ tiêu 20.2. Xã thực hiện tốt các quy định về quy chế văn hóa cơ sở, những nội dung phải công khai cho dân biết, Nội dung nhân dân bàn và quyết định trực tiếp, những nội dung nhân dân bàn, biểu quyết đều được thực hiện nghiêm túc đúng theo Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn. Cụ thể như các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng được, nạo vét kênh, bình xét nghĩa vụ quân sự, lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, hương ước, quy ước,... đưa ra dân bàn, dân biết, dân kiểm tra, giám sát, biểu quyết.

- Chỉ tiêu 20.3. 100% cán bộ, công chức xã chấp hành tốt Quy chế văn hóa công sở tại Quyết định số 129/2007/QĐ-TTg ngày 02/08/2007 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Quy chế văn hoá công sở tại các cơ quan hành chính nhà nước, Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Văn hóa công vụ; Quyết định Số 03/2007/QĐ-BNV Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2007 về việc ban hành quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong bộ máy chính quyền địa phương như: trang phục gọn gàng, giao tiếp và ứng xử lịch sự, hòa nhã, đặc biệt khi tiếp xúc với nhân dân,... thể hiện đúng chuẩn mực của người cán bộ, công chức.

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới: Trên địa bàn xã Long Đức không có nợ đọng đối với các công trình xây dựng cơ bản và các công trình có liên quan trong xây dựng nông thôn mới.

II. KẾT LUẬN:

1. Về hồ sơ: Xã có cung cấp đầy đủ hồ sơ và các văn bản chứng minh đúng theo hướng dẫn quy định; Có đăng ký xã đạt chuẩn nông thôn mới gửi về UBND thành phố và được UBND thành phố có văn bản chấp thuận đúng theo quy trình.

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới

Tổng số tiêu chí nông thôn mới của xã Long Đức đã được Đoàn Thẩm tra của UBND thành thẩm tra đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao tính đến thời điểm thẩm tra là: 20/20 tiêu chí, đạt 100%.

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới:

Tính đến thời điểm được Đoàn thẩm tra của UBND thành phố thẩm tra xã Long Đức không có nợ đọng đối với các công trình xây dựng cơ bản và các công trình có liên trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã.

Qua thẩm tra hồ sơ và kiểm tra thực tế về mức độ đạt các tiêu chí nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã Long Đức, xã đủ điều kiện đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2019.

III. KIẾN NGHỊ:

Văn phòng Điều phối Chương trình nông thôn mới thành phố kính đề nghị Chủ tịch UBND thành phố sớm chỉ đạo công bố trên Đài Truyền thanh thành phố, đăng tải cổng thông tin điện tử thành phố, lấy ý kiến các tổ chức chính trị xã hội, tổ chức họp Ban Chỉ đạo thành phố thảo luận, bỏ phiếu đề nghị tỉnh thẩm tra công nhận xã Long Đức đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao năm 2019.

Trên đây là báo cáo của Văn phòng Điều phối Chương trình nông thôn mới thành phố về kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao của xã Long Đức năm 2019./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh (b/c);
- TT.BCĐ tỉnh (b/c);
- VPĐP tỉnh (b/c);
- TT. TU- TT. HĐND TP;
- CT, các PCT.UBND TP;
- BCĐ TP;
- VPĐP TP;
- UBND các phường - xã;
- Lưu VT.

KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG

PHÒNG KINH TẾ

Nguyễn Thị Ngọc Nhi

BIỂU TỔNG HỢP
KẾT QUẢ THẨM TRA TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO CỦA XÃ LONG ĐỨC, THÀNH PHỐ TRÀ VINH

(Đính kèm theo Báo cáo số 252 /BC-VPĐP ngày 02/12/2019 của VPĐP CT NTM TP)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của thành phố
1	Quy hoạch	1.1. Có lưu trữ đầy đủ hồ sơ quy hoạch chung xây dựng xã nông thôn mới được phê duyệt theo quy định; Công khai niêm yết quy hoạch được phê duyệt (kể cả khi điều chỉnh quy hoạch) và hoàn thành cắm mốc quy hoạch (có biên bản).	Đạt	Đạt	Đạt
		1.2. Quản lý và tổ chức triển khai thực hiện theo quy hoạch được phê duyệt *(thường xuyên cập nhật, rà soát, bổ sung, điều chỉnh quy hoạch phù hợp với tình hình thực tế của địa phương).*	Đạt	Đạt	Đạt

II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của thành phố
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường liên xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm và đạt cấp kỹ thuật từ cấp B ($B_{mặt}$ ≥3,5 m, $B_{nền}$ ≥5 m) trở lên.	100%	Đạt	Đạt
		2.2. Tỷ lệ đường liên ấp được cứng hóa đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm và đạt cấp kỹ thuật từ cấp C ($B_{mặt}$ ≥3m, $B_{nền}$ ≥4m) trở lên.	≥ 70%	Đạt	Đạt
		2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa và đạt cấp kỹ thuật từ cấp D ($B_{mặt}$ ≥1,5m, $B_{nền}$ ≥2m) trở lên.	100% sạch và không lầy lội; trong đó: có 70% cứng hoá.	Đạt	Đạt
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng theo quy hoạch được cứng hóa đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm và đạt cấp kỹ thuật từ cấp C ($B_{mặt}$	≥ 70%	Đạt	Đạt

		≥3m, $B_{nền}$ ≥4m) trở lên.			
		2.5. Tỷ lệ đường liên xã, liên ấp có hệ thống đèn chiếu sáng.	≥ 50%	Đạt	Đạt
		2.6. Thực hiện duy tu bảo dưỡng các công trình giao thông đảm bảo không bị hư hỏng gây mất an toàn giao thông.	Đạt	Đạt	Đạt
3	Thủy lợi	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động.	≥ 90%	Đạt	Đạt
		3.2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ.	Đạt	Đạt	Đạt
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn.	Đạt	Đạt	Đạt
		4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn điện.	≥ 99%	Đạt	Đạt
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: Mầm non, tiểu học, THCS có cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia.	70%	Đạt	Đạt
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã đảm bảo đạt theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Đạt	Đạt	Đạt
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí, thể thao cho trẻ em và người cao tuổi.	Đạt	Đạt	Đạt
		6.3. Tỷ lệ ấp hoặc liên ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa; khu thể thao phục vụ cộng đồng đạt theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	100%	Đạt	Đạt
		6.4. Nhà văn hóa xã, ấp được duy tu, bảo dưỡng thường xuyên và hoạt động có hiệu quả; có hàng rào (cây xanh hoặc hàng rào kiên cố; có trồng hoa, cây cảnh, sạch đẹp.	Đạt	Đạt	Đạt
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	7.1. Xã có chợ nông thôn được xây dựng kiên cố và có đầy đủ các công trình phụ trợ; các khu vực kinh doanh được bố trí, sắp xếp bảo đảm các yêu cầu về trật tự, vệ sinh, văn minh.	Đạt	Đạt	Đạt
		7.2. Trên địa bàn xã không có tụ điểm kinh doanh tự phát, chợ phải có bố trí khu vực riêng dành cho những người	Đạt	Đạt	Đạt

		buôn bán nhỏ, hàng rong, quà vặt, người kinh doanh không thường xuyên tại chợ và phải chấp hành Nội quy chợ.			
8	Thông tin và truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính	Đạt	Đạt	Đạt
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet.	Đạt	Đạt	Đạt
		8.3. Có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các ấp; duy trì hoạt động thường xuyên.	Đạt	Đạt	Đạt
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành, trong đó hệ số máy tính/số cán bộ công chức xã đạt tối thiểu 0,5 (50%).	Đạt	Đạt	Đạt
9	Nhà ở dân cư	9.1. Không còn nhà tạm, dột nát; không còn hộ không có đất ở phát sinh trước 03 năm trở lên so với năm đánh giá.	Đạt	Đạt	Đạt
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt chuẩn Bộ Xây dựng	≥ 80%	Đạt	Đạt

III. PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG THÔN, NÂNG CAO ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của thành phố
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người/năm tối thiểu phải bằng 1,2 lần so với thu nhập bình quân đầu người/năm theo quy định hàng năm của xã đạt chuẩn nông thôn mới.	Đạt	Đạt	Đạt
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020 *(trừ các hộ nghèo thuộc đối tượng chính sách bảo trợ xã hội).*	≤ 2%	Đạt	Đạt
12	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động.	≥ 95%	Đạt	Đạt
13	Tổ chức sản xuất	13.1. Xã có ít nhất 01 hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012 và thật sự có hiệu quả.	Đạt	Đạt	Đạt
		13.2. Xã có ít nhất 01 mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị hàng hóa đối với sản phẩm chủ lực của xã đảm bảo	Đạt	Đạt	Đạt

		chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm gắn với định hướng phát triển dịch vụ du lịch tại địa phương.			
		13.3. Thực hiện có hiệu quả quy hoạch, kế hoạch phát triển sản xuất hàng hóa chủ lực của xã gắn với cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	Đạt	Đạt	Đạt
		13.4. Tỷ lệ cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp đạt từ 80% trở lên; có mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và chế biến sản phẩm an toàn, sạch hoặc mô hình sản xuất theo hướng hữu cơ.	≥ 80%	Đạt	Đạt

IV. GIÁO DỤC – Y TẾ - VĂN HÓA

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của thành phố
14	Giáo dục và Đào tạo	14.1. Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2; đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở mức độ 3.	Đạt	Đạt	Đạt
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học *(phổ thông, bổ túc, học nghề)*.	≥ 90%	Đạt	Đạt
		14.3. Tỷ lệ học sinh bỏ học, học sinh vi phạm đạo đức hạnh kiểm kém, vi phạm pháp luật.	≤2%	Đạt	Đạt
		14.4. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo.	≥ 65%	Đạt	Đạt
		14.5. Tỷ lệ lao động nông thôn trong độ tuổi lao động thường trú ở địa phương có khả năng tham gia lao động được tuyên truyền, phổ biến kiến thức khoa học, công nghệ, rủi ro thiên tai, cơ chế, chính sách của Nhà nước và được cung cấp thông tin để phát triển sản xuất, kinh doanh hoặc chuyển đổi cách thức làm ăn cho phù hợp	100%	Đạt	Đạt

15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia BHYT trên dân số theo niên giám thống kê.	≥ 90%	Đạt	Đạt
		15.2. Y tế xã đạt chuẩn quốc gia.	Đạt	Đạt	Đạt
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	≤ 15%	Đạt	Đạt
		15.4. Chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu và mức hưởng thụ các dịch vụ y tế ban đầu cho người dân được bảo đảm; công tác kiểm soát các bệnh truyền nhiễm và bệnh gây dịch được thực hiện có hiệu quả; không có tình trạng ngộ độc thực phẩm đông người.	Đạt	Đạt	Đạt
16	Văn hóa	16.1. Tỷ lệ ấp đạt tiêu chuẩn ấp Văn hóa và ấp Nông thôn mới.	≥ 85%	Đạt	Đạt
		16.2. Chất lượng các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được đảm bảo và thu hút nhiều người dân tham gia; bảo tồn và phát huy những giá trị tốt đẹp văn hóa truyền thống địa phương; xây dựng cộng đồng dân cư văn minh, dân chủ, đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ nhau, thực hiện tốt các hoạt động nhân đạo, từ thiện.	Đạt	Đạt	Đạt

V. CẢNH QUAN MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN THỰC PHẨM

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của thành phố
17	Môi trường và An toàn thực phẩm	17.1. Có hệ thống cung cấp nước sinh hoạt tập trung đảm bảo cung cấp nước sạch cho 100% hộ dân trên địa bàn toàn xã	Đạt	Đạt	Đạt
		17.2. Tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch: - Nước hợp vệ sinh - Nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	 ≥ 99% ≥ 75%	Đạt	Đạt
		17.3. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường.	100%	Đạt	Đạt

		17.4. Xây dựng cảnh quan, môi trường sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn.	Đạt	Đạt	Đạt
		17.5. Xã có quy hoạch nghĩa trang hoặc xây dựng nghĩa trang liên xã *(đối với xã có đông đồng bào dân tộc Khmer có nhà hỏa táng);* Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch.	Đạt	Đạt	Đạt
		17.6. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, chợ, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định; (trong đó: tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý theo quy định là ≥70%; có mô hình, tổ chức phân loại và thu gom rác).	Đạt	Đạt	Đạt
		17.7. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh đảm bảo 3 sạch.	≥ 80%	Đạt	Đạt
		17.8. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường.	≥ 80%	Đạt	Đạt
		17.9. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.	100%	Đạt	Đạt
		17.10. Các cơ quan, tổ chức đóng trên địa bàn xã phải đạt chuẩn văn hóa.	Đạt	Đạt	Đạt
		17.11. Khu xử lý rác thải tập trung của xã (nếu có), phải đảm bảo xa khu dân cư và được trồng nhiều lớp hàng rào cây xanh bao bọc xung quanh.	Đạt	Đạt	Đạt

VI. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ - AN NINH TRẬT TỰ - HÀNH CHÍNH CÔNG

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của thành phố
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn.	Đạt	Đạt	Đạt
		18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định.	Đạt	Đạt	Đạt
		18.3. Đảng bộ xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh".	Đạt	Đạt	Đạt
		18.4. Các tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt từ loại khá trở lên.	Đạt	Đạt	Đạt

		18.5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.	Đạt	Đạt	Đạt
		18.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.	Đạt	Đạt	Đạt
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân "vững mạnh, rộng khắp" và hoàn thành các chỉ tiêu nhiệm vụ quốc phòng quân sự địa phương.	Đạt	Đạt	Đạt
		19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: trên địa bàn xã không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiềm chế, giảm liên tục so với các năm trước.	Đạt	Đạt	Đạt
		19.3. Tỷ lệ ấp được công nhận đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự.	≥ 90%	Đạt	Đạt
		19.4. Xã có mô hình tự quản, liên kết bảo vệ an ninh trật tự hoạt động thường xuyên, hiệu quả.	Đạt	Đạt	Đạt
20	Hành chính công	20.1. Xã có thực hiện cải cách, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, giải quyết thủ tục hành chính cho các tổ chức, công dân đảm bảo đúng quy định.	Đạt	Đạt	Đạt
		20.2. Thực hiện tốt các quy định về dân chủ cơ sở; các ấp có xây dựng và thực hiện hiệu quả quy ước, hương ước cộng đồng.	Đạt	Đạt	Đạt
		20.3. Cán bộ, công chức xã chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật và nâng cao đạo đức công vụ trong thực hiện nhiệm vụ.	Đạt	Đạt	Đạt